

**PHỤ LỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 338/2025/NĐ-CP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-BNV ngày    tháng    năm           của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP**

| STT                                | Tên thủ tục hành chính                                                                   | Lĩnh vực                                              | Cơ quan thực hiện        | Điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |                                                                                          |                                                       |                          |                                                       |
| 1                                  | Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng                             | Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Đủ điều kiện                                          |
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>   |                                                                                          |                                                       |                          |                                                       |
| 1                                  | Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên | Đào tạo nghề                                          | Ủy ban nhân dân cấp xã   | Đủ điều kiện                                          |

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP

| STT                                      | Mã TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                        | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC                                                                          | Lĩnh vực                                              | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                                                                                                               | Quyết định công bố TTHC                 |
|------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b> |          |                                                                                                                                                                               |                                                                                                               |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                         |
| 1                                        | 2.002104 | Hỗ trợ cho người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề                                                                                       | Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm | Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Bộ Nội vụ (Cục Quản lý lao động ngoài nước)                                                                                                                                                                                                     | Quyết định số 322/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 |
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>       |          |                                                                                                                                                                               |                                                                                                               |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                         |
| 1                                        | 1.011546 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức thực hiện chương trình quản lý) | Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm | Việc làm                                              | Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam) | Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/4/2025 |

|   |          |                                                                                                                                                                                           |                                                                                                               |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                         |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 2 | 1.011547 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức thực hiện chương trình quản lý) | Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm | Việc làm                                              | Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình (Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam) | Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/4/2025 |
| 3 | 2.002105 | Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng        | Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm | Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ theo phân cấp                                                                                                                                                                                                         | Quyết định số 322/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 |

|   |          |                                                                                                                      |                                                                                                               |                                                       |                                                                                               |                                         |
|---|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 4 | 1.005219 | Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm | Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Chủ đầu tư của mỗi dự án thực hiện hỗ trợ cho người lao động trong danh sách đền bù của dự án | Quyết định số 322/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 |
|---|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|

### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

|   |          |                                                                                                                                                                         |                                                                                                               |          |                                 |                                         |
|---|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------|-----------------------------------------|
| 1 | 1.013724 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động (dự án thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý) | Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm | Việc làm | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Quyết định số 636/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 |
| 2 | 1.013725 | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (dự                                             | Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về                                | Việc làm | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Quyết định số 636/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 |

|  |  |                                                               |                                   |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|
|  |  | án thuộc nguồn vốn<br>do Ủy ban nhân dân<br>cấp tỉnh quản lý) | chính sách hỗ<br>trợ tạo việc làm |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--|--|--|

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

#### **1. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

##### **1.1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Người lao động nộp hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**Bước 2:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quyết định hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động. Trường hợp không hỗ trợ phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi ở hiện tại, trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

##### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### *a) Thành phần hồ sơ:*

###### *(1) Đối với người lao động là người có công với cách mạng*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của một trong các giấy tờ sau: quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng hoặc quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân hoặc bằng Anh hùng hoặc bằng Có công với nước;

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ

kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(2) Đối với thân nhân của người có công với cách mạng*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của giấy xác nhận thân nhân của người có công với cách mạng theo Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(3) Đối với người dân tộc thiểu số*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Điều 4

Nghị định số 338/2025/NĐ-CP khai thác, sử dụng thông tin về dân tộc trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật;

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(4) Đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về thành viên hộ gia đình. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP khai thác, sử dụng thông tin về thành viên hộ gia đình trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật;

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(5) Đối với người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của quyết định thu hồi đất của hộ gia đình và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về thành viên hộ gia đình. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP khai thác, sử dụng thông tin về thành viên hộ gia đình trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật;

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(6) Đối với người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của một trong các giấy tờ sau: quyết định xuất ngũ đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; quyết định hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình đối với dân quân thường trực.

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(7) Đối với thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của giấy chứng nhận tham gia hoạt động tình nguyện;

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(8) Đối với trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của giấy chứng nhận trí thức trẻ tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng;

- Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp. Trường hợp người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài là bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài và bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực;

- Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thoả thuận của người lao động, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người lao động.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Hoặc cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc uỷ quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động.
- Hoặc văn bản thông báo trong trường hợp không hỗ trợ và nêu rõ lý do.

**1.8. Phí, lệ phí:** Theo quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Người lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng;
- Người dân tộc thiểu số;
- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;
- Người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;
- Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;
- Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật số 74/2025/QH15;
- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

**Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI  
THEO HỢP ĐỒNG**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>

**1. Thông tin cơ bản**

- a) Họ và tên: .....
- b) Ngày, tháng, năm sinh: .....
- c) Giới tính: .....
- d) CCCD/CC/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày... tháng ...năm ..., cơ quan cấp .....
- đ) Nơi ở hiện tại<sup>2</sup>: .....
- e) Điện thoại liên hệ (nếu có): ..... Email: .....

**2. Thông tin về hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

- a) Đối tượng
- Người có công với cách mạng ☐ Thân nhân của người có công với cách mạng ☐
- Dân tộc thiểu số ☐ Hộ nghèo ☐ Hộ cận nghèo ☐
- Người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai ☐
- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự ☐
- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân ☐
- Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ☐
- Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng ☐

**b) Nội dung hỗ trợ**

Số tiền đề nghị hỗ trợ: .....

*Bao gồm:*

- Giáo dục định hướng trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

+ Chi phí đào tạo: ..... đ

+ Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: ..... đ

+ Tiền ở trong thời gian đào tạo: ..... đ

+ Tiền đi lại: ..... đ

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ:

- + Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề: ..... đ
- + Đào tạo ngoại ngữ: ..... đ
- + Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: ..... đ
- + Tiền ở trong thời gian đào tạo: ..... đ
- + Tiền đi lại: ..... đ
- Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thỏa thuận:
- + Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề: ..... đ
- + Đào tạo ngoại ngữ: ..... đ
- Hỗ trợ chi phí khác:
- + Lệ phí làm hộ chiếu: ..... đ
- + Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp: ..... đ
- + Lệ phí làm thị thực: ..... đ
- + Chi phí khám sức khỏe: ..... đ

(Hồ sơ, chứng từ kèm theo).

c) Hình thức nhận tiền hỗ trợ

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Trường hợp nhận tiền hỗ trợ thông qua tài khoản ngân hàng, đề nghị chuyển tiền vào tài khoản (tên tài khoản): ..... Số tài khoản: ..... tại Ngân hàng: .....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, chưa từng nhận hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của chính sách này và chính sách hiện hành khác của Nhà nước.

Nếu sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị quý Cơ quan hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ.

...., ngày ... tháng ... năm ...

**Người đề nghị**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

<sup>1</sup> Cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

<sup>2</sup> Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

**Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY XÁC NHẬN  
THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG****1. Thông tin về thân nhân người có công với cách mạng**

- a) Họ và tên: .....
- b) Ngày, tháng, năm sinh: .....
- c) Giới tính: .....
- d) CCCD/CC/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày... tháng ...năm ..., cơ quan cấp .....
- đ) Nơi ở hiện tại<sup>1</sup>: .....
- e) Điện thoại liên hệ (nếu có): ..... Email: .....
- g) Quan hệ với người có công với cách mạng<sup>2</sup>: .....
- 2. Thông tin về người có công với cách mạng**
- a) Họ và tên: .....
- b) Ngày, tháng, năm sinh: .....
- c) Giới tính: .....
- d) CCCD/CC/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày... tháng ..... năm ..., cơ quan cấp .....
- đ) Nơi ở hiện tại<sup>3</sup>: .....
- e) Điện thoại liên hệ: ..... Email: .....
- g) Thuộc diện người có công với cách mạng<sup>4</sup>: .....

**Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền<sup>6</sup>**

Ông/bà: .....  
Là thân nhân người có công với cách mạng.

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**Xác nhận của người có công<sup>5</sup>**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...  
**Người đề nghị xác nhận**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

<sup>1,3</sup> Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

<sup>2</sup> Ghi rõ quan hệ người đề nghị xác nhận với người có công với cách mạng: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.

<sup>4</sup> Ghi rõ đối tượng người có công với cách mạng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Liệt sỹ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31/12/1993; người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng.

<sup>5</sup> Không áp dụng đối với liệt sỹ, người có công đã tử trận.

<sup>6</sup> Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền:

- Trung tâm nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công xác nhận người có công với cách mạng do Trung tâm quản lý.

- Đơn vị quân đội, công an có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an xác nhận người có công với cách mạng do đơn vị quân đội, công an quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận người có công với cách mạng đối với những trường hợp còn lại có nơi ở hiện tại trên địa bàn.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

### 1. Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên

#### 1.1. Trình tự thực hiện:

**Bước 1:** Người lao động nộp hồ sơ hỗ trợ đào tạo nghề.

**Bước 2:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ đào tạo nghề, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại của người lao động quyết định việc hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động. Trường hợp không hỗ trợ thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi ở hiện tại, trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

#### 1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

##### a) Thành phần hồ sơ:

##### (1) Đối với người lao động ở khu vực nông thôn

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

##### (2) Đối với người lao động là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của một trong các giấy tờ sau: quyết định xuất ngũ đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; quyết định hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình đối với dân quân thường trực;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(3) Đối với người lao động là thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của giấy chứng nhận tham gia hoạt động tình nguyện;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng nhận hoàn thành khoá học, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*(4) Đối với trí thức trẻ tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng*

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của giấy chứng nhận trí thức trẻ tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng nhận hoàn thành khoá học, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP;

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trừ trường hợp đặt hàng đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

*b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

#### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Người lao động.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định việc hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động.

- Hoặc văn bản thông báo trong trường hợp không hỗ trợ và nêu rõ lý do.

**1.8. Phí, lệ phí:** Theo quy định tại các văn bản hướng dẫn Luật Phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP).

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*a) Người lao động ở khu vực nông thôn được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng khi có nhu cầu.*

*b) Người lao động là thanh niên thuộc một trong các trường hợp sau:*

- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;
- Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;
- Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.

*Và có đủ các điều kiện sau:*

- Có nhu cầu đào tạo trong thời hạn 60 tháng, kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hoặc hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội hoặc hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng;
- Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự hoặc nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hoặc hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội hoặc hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật số 74/2025/QH15;
- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

**Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **1. Thông tin cơ bản**

- a) Họ và tên: .....
- b) Ngày, tháng, năm sinh: .....
- c) Giới tính: .....
- d) CCCD/CC/Hộ chiếu số: ..... cấp ngày... tháng ...năm ..., cơ quan cấp .....
- đ) Nơi ở hiện tại<sup>1</sup>: .....
- e) Điện thoại liên hệ (nếu có): ..... Email: .....

### **2. Thông tin về hỗ trợ đào tạo nghề**

#### **a) Đối tượng**

Lao động nông thôn ☐

Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự ☐

Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ Công an ☐

Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ☐

Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng ☐

#### **b) Thông tin khác**

Mã số<sup>2</sup> (nếu có): .....

Tên đơn vị<sup>3</sup>: .....

Ngày, tháng, năm nhập ngũ hoặc tham gia thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội hoặc nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng: .....

.....

Ngày, tháng, năm hoàn thành nghĩa vụ hoặc thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội hoặc nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng: .....

.....

#### **c) Nội dung hỗ trợ**

Số tiền đề nghị hỗ trợ: .....

*Bao gồm:*

- Hỗ trợ đào tạo nghề: ..... đ
- Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: ..... đ
- Hỗ trợ tiền đi lại: ..... đ

*(Hồ sơ, chứng từ kèm theo).*

d) Hình thức nhận tiền hỗ trợ

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☐

Trường hợp nhận tiền hỗ trợ thông qua tài khoản ngân hàng, đề nghị chuyển tiền vào tài khoản (tên tài khoản): ..... Số tài khoản: ..... tại Ngân hàng: .....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, chưa từng nhận hỗ trợ đào tạo nghề của chính sách này và chính sách hiện hành khác của Nhà nước.

*Trường hợp đã được hỗ trợ, đề nghị ghi rõ lý do tiếp tục đề nghị hỗ trợ<sup>4</sup>: .....*

.....

Nếu sai, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Kính đề nghị quý Cơ quan hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ.

*..., ngày ... tháng ... năm*

**Người đề nghị**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Ghi chú:**

<sup>1</sup> Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố, thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

<sup>2</sup> Ghi theo mã số quân nhân đối với bộ đội, công an hoặc mã số trong quá trình tham gia tình nguyện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng (nếu có).

<sup>3</sup> Ghi tên đơn vị trước khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hoặc đơn vị thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội hoặc khu kinh tế - quốc phòng.

<sup>4</sup> Ghi cụ thể: thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng; lao động nông thôn bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan.